

NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ HỢP TÁC GIỮA HAI TỈNH NGHỆ AN VÀ XIÊNG KHOẢNG THỜI KÌ 1975 - 2005

TRƯƠNG VĂN BÌNH*

Nghệ An (Việt Nam) - Xiêng Khoảng (Lào) là hai tỉnh láng giềng, có nhiều nét tương đồng về địa lí, lịch sử và văn hoá truyền thống, có mối quan hệ đoàn kết gắn bó mật thiết với nhau. Trải qua thăng trầm của lịch sử, quan hệ giữa hai tỉnh Nghệ An-Xiêng Khoảng không ngừng được củng cố và phát triển. Trong số những thành tựu hợp tác, có nhiều điều kiện tác động. Bài viết này bước đầu nhằm tìm hiểu những nhân tố tác động đến quan hệ hợp tác giữa hai tỉnh Nghệ An-Xiêng Khoảng trong 30 năm trở lại đây (1975-2005).

1. Nghệ An-Xiêng Khoảng trong bối cảnh quan hệ Việt-Lào

Trên bán đảo Đông Dương, Việt Nam và Lào là hai quốc gia láng giềng có mối quan hệ rất đặc biệt, cùng dựa lưng vào dãy Trường Sơn hùng vĩ, cùng uống chung

một dòng nước Mê Kông, núi liền núi, sông liền sông. Trong quá trình phát triển, biên giới Việt-Lào không ổn định (trước khi có Hiệp định biên giới), nhiều vùng khi thuộc Lào quản lí, khi lại thuộc quyền Việt Nam quản lí. Vì vậy, mọi quan hệ thân tộc, chuyển cư, thay đổi địa lí đã tạo nên sự gắn bó tự nhiên có tính truyền thống.

Quan hệ Việt Nam-Lào được hình thành từ rất sớm, khi mới bắt đầu xuất hiện cư dân Việt cổ và Lào cổ đã có sự giao lưu văn hoá với nhau. Qua các di tích khảo cổ tiền sử và sơ sử ở Lào, E. Saurin và J. Fronmagnet đã chỉ ra di tích văn hoá Hoà Bình ở Lào, nhất là các di tích hang động ở Bắc Lào, có những nét tương đồng với di tích văn hoá Hoà Bình ở Việt Nam. Về mặt địa lí, các khối đá vôi Đông Bắc Lào và Tây Bắc Việt Nam là một dải với những dãy núi chạy nối tiếp nhau, rất nhiều hang động. Nơi đây là địa bàn cư

* Ths. Trương Văn Bình, Trung tâm KHXH&NV Nghệ An

trú của những nhóm cư dân Hoà Bình có quan hệ mật thiết với nhau về văn hoá⁽¹⁾.

Ở thế kỉ XX, ngay từ những ngày đầu chống Pháp, các cuộc khởi nghĩa của các bộ tộc sống gần nhau trên biên giới hai nước đều đã biết “liên kết hợp tác đấu tranh” để chống quân xâm lược, như phong trào khởi nghĩa của ông Kẹo và Commadăm (1901-1937), của Châu Pha Phát Chay (1918-1922) ở Lào đã có sự phối hợp chiến đấu với các cuộc nổi dậy của đồng bào Tây Nguyên và Tây Bắc Việt Nam. Tiếp sau phong trào Cần vương và nhiều phong trào khởi nghĩa khác, các chiến sĩ yêu nước của Việt Nam đã liên minh và hợp tác chiến đấu cùng với nhân dân các bộ tộc Lào.

Tuy nhiên, trước khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, quan hệ hợp tác chiến đấu giữa nhân dân hai nước Việt-Lào còn mang tính tự phát. Từ khi có chính đảng vô sản, mối quan hệ đoàn kết và hợp tác Việt-Miên-Lào chiến đấu chống kẻ thù chung, giành độc lập tự do mới được thiết lập thực sự. “Vận mệnh ba dân tộc... không những sống chết có nhau trong chiến đấu giành và bảo vệ độc lập tự do mà còn khăng khít lâu dài trong sự nghiệp xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội”⁽²⁾.

Trong chiến tranh, mỗi thắng lợi trên chiến trường Lào đều có tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc chiến đấu của quân và dân Việt Nam. Ngược lại, những thắng lợi to lớn trên chiến trường chính

Việt Nam đã góp phần thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi cho quân dân Lào giành được những thắng lợi quyết định. Hai nước đã vận dụng khôn khéo chính sách hoà hợp dân tộc, thêm bạn bớt thù. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ở mỗi nước, nhân dân Việt-Lào đã đoàn kết chiến đấu, cùng nhau đứng lên đập tan những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, đưa đến thắng lợi hoàn toàn vào năm 1975. Thực tiễn lịch sử đó đã chứng minh “Đông Dương là một chiến trường” và “liên minh chiến đấu Việt Nam-Lào-Campuchia là một nhân tố thường xuyên, một nhân tố quyết định thắng lợi” của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc ba nước Đông Dương, đặc biệt là giữa hai nước Việt Nam-Lào⁽³⁾.

Sau khi giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh cách mạng (1975), phát huy truyền thống đoàn kết hữu nghị đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Cayxôn Phômvihăn, cùng nhiều thế hệ cách mạng hai dân tộc dày công vun đắp, Đảng, Chính phủ và nhân dân hai nước tiếp tục củng cố mối quan hệ hợp tác chiến lược lâu dài, nhằm xây dựng và bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, đập tan âm mưu chia rẽ tình đoàn kết gắn bó hai dân tộc Việt-Lào anh em.

Ngày 18-7-1977, nhân chuyến viếng thăm của đoàn đại biểu Việt Nam do Tổng Bí thư Lê Duẩn và Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu, hai bên đã ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt-Lào cùng một số

Hiệp định khác. Hiệp ước đánh dấu mốc quan trọng trong quan hệ giữa hai nước sau chiến tranh, là cơ sở pháp lý đầu tiên bảo đảm cho nhân dân hai dân tộc có cơ hội phát huy tình hữu nghị truyền thống. Sự đoàn kết đặc biệt giữa hai Đảng, hai Chính phủ trong giai đoạn mới là một biểu tượng đẹp đẽ, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân hai nước Việt-Lào.

Hiệp ước khẳng định: Hai bên cần phải bảo vệ và phát huy tốt mối quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, tăng cường tình đoàn kết tin tưởng lẫn nhau, hợp tác lâu dài, giúp đỡ nhau mọi mặt trên tinh thần quốc tế trong sáng, cùng nhau xây dựng một thế giới hoà bình hữu nghị. Hiệp ước này đã chuyển quan hệ Việt Nam-Lào sang một thời kì mới, từ quan hệ chủ yếu về chính trị, quân sự và ngoại giao sang quan hệ toàn diện cả về chính trị, an ninh-quốc phòng, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, khoa học-kỹ thuật. Trong đó lấy hợp tác kinh tế làm trung tâm.

Trong báo cáo chính trị tại Đại hội III Đảng Nhân dân Cách mạng Lào năm 1982 cũng đã xác định việc củng cố và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu, mối quan hệ hợp tác toàn diện giữa Lào và Việt Nam. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương (1982), một lần nữa nhấn mạnh quan hệ đó dựa trên tinh thần hợp tác, đảm bảo lợi ích hợp tác lâu dài giữa hai bên hoặc ba bên.

Tuy nhiên, phải thẳng thắn thừa nhận rằng, quan hệ Việt Nam-Lào giai đoạn

1976-1986 còn mang nặng tính bao cấp, tương trợ giúp đỡ mà chưa đẩy mạnh hợp tác sản xuất, kinh doanh bình đẳng, chưa có chương trình hợp tác dài hạn giữa hai Chính phủ. Đó cũng là tình trạng chung trong quan hệ giữa các địa phương hai nước, trong đó có Nghệ An-Xiêng Khoảng.

Đến giữa thập kỉ 80 của thế kỉ trước, tình hình quốc tế và khu vực có nhiều biến đổi, xu thế "toàn cầu hoá" và "khu vực hoá" tác động đến mọi quốc gia. Trong điều kiện Việt Nam và Lào có điểm xuất phát thấp, hai nước tự bảo vệ mình, tham gia hội nhập bằng những chương trình hợp tác, liên kết chặt chẽ với nhau là một yêu cầu khách quan. Để hội nhập, Việt-Lào phải tiến hành công cuộc đổi mới, nhằm hoàn thiện chế độ xã hội của mình và từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Năm 1986, Đảng, Nhà nước Việt Nam cùng với Đảng, Nhà nước Lào đã thực hiện công cuộc đổi mới. Cùng với công cuộc đổi mới đó, quan hệ hợp tác Việt-Lào cũng có bước phát triển mới về mục tiêu, phương thức hợp tác cả bề rộng lẫn chiều sâu. Trong đó, quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước giảm dần tính bao cấp, tập trung, chuyển sang sản xuất kinh doanh cùng có lợi và hợp tác có chiến lược trong từng giai đoạn, thời kì, bằng các hiệp định, chương trình, dự án. Điểm nổi bật trong quan hệ Việt-Lào ở giai đoạn này là hai bên luôn duy trì và đẩy mạnh các cuộc gặp cấp cao hàng năm giữa các lãnh đạo Đảng, Nhà nước nhằm tăng cường mối quan hệ chiến

lược lâu dài trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội để khai thác và phát huy tối đa tiềm năng của nhau, phục vụ có hiệu quả cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Năm 1992 là năm có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động đối ngoại giữa hai nước. Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam-Đỗ Mười đã có chuyến thăm chính thức Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, hai bên ra Tuyên bố chung, nhấn mạnh: Hai nước cần thiết phải củng cố chất lượng và hiệu quả của việc hợp tác dựa trên nguyên tắc giữ vững nền độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi. Sau chuyến thăm của Tổng Bí thư, nhiều đoàn đại biểu cấp cao của hai Đảng, hai Nhà nước đã có các cuộc gặp gỡ, trao đổi về tình hình và quan hệ hai nước: chuyến thăm của Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Dy Niên sang Lào vào tháng 2-2000, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng ngoại giao Xôm-xavát Lênh-xavát thăm Việt Nam vào tháng 3-2000, Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu dự Đại hội VII của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào tháng 3-2001, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh thăm Lào tháng 7-2001, Thủ tướng Bunnhăng Vô-lachít đã chọn Việt Nam là nước đầu tiên sang thăm trên cương vị mới. Đặc biệt, Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước Khăm-tày Xiphăndon đã thăm hữu nghị chính thức Việt Nam từ ngày 13 đến 16-5-2002. Qua các cuộc gặp gỡ này, hai bên tiếp tục khẳng định quyết tâm đẩy mạnh hợp tác toàn diện. Trên cơ sở phát huy tinh thần độc lập tự chủ, ý thức tự cường,

hợp tác bình đẳng, đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác. Bên cạnh đẩy mạnh hợp tác chính trị và an ninh quốc phòng, hợp tác kinh tế phải được tăng cường để tương xứng mối quan hệ chính trị ...

Sự phát triển không ngừng trong quan hệ Việt-Lào là nhân tố quan trọng nhất, bảo đảm vững chắc mối quan hệ hợp tác lâu dài giữa các địa phương của hai nước, trong đó có quan hệ giữa Nghệ An và Xiêng Khoảng. Có thể nói, quan hệ Nghệ An-Xiêng Khoảng là một bộ phận cấu thành nên mối quan hệ toàn diện hai nước, là một bằng chứng, một biểu hiện sinh động của tình cảm đặc biệt Việt-Lào. Do vậy, quan hệ hợp tác Nghệ An-Xiêng Khoảng phải luôn luôn được xây dựng trên nền tảng vững chắc là mối quan hệ đoàn kết hữu nghị Việt-Lào. Tình cảm gắn bó, tinh thần hợp tác toàn diện là nhân tố quyết định thành công trong quan hệ hợp tác của các tỉnh có chung đường biên giới hai nước.

2. Sự gắn gũi về địa lý tự nhiên

Nằm trên bán đảo Đông Dương thuộc hai nước Việt-Lào, Nghệ An-Xiêng Khoảng là hai tỉnh láng giềng gắn gũi có nhiều điểm tương đồng về địa lý tự nhiên, lịch sử và văn hoá truyền thống. Hai tỉnh chiếm giữ vị trí địa lý kề vai sát cánh, núi liền núi, sông liền sông, có chung đường biên giới 136 km. Hệ thống giao thông đi lại khá thuận tiện là điều kiện thuận lợi

để hai tỉnh tăng cường mối quan hệ hợp tác toàn diện.

Là một tỉnh lớn ở Bắc Trung Bộ của Việt Nam, phía Bắc Nghệ An giáp Thanh Hoá, phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp 3 tỉnh của nước bạn Lào (Xiêng Khoảng, Bôlykhamxay, Hủa Phăn), phía Nam giáp Hà Tĩnh. Nghệ An có địa hình tương đối đa dạng, bao gồm núi, đồi, thung lũng, độ dốc thoải dần theo hướng Tây Bắc-Đông Nam với hệ thống sông ngòi dày đặc. Nghệ An có quốc lộ 1A chạy từ Bắc vào Nam (đoạn chạy qua tỉnh dài 85 km), 132 km đường Hồ Chí Minh đi qua tỉnh đã hoàn thành, có quốc lộ 7, 46 và 48 đi sang Lào qua cửa khẩu Nậm Cắn và Thông Thụ. Tuyến đường sắt Bắc-Nam chạy qua địa phận tỉnh dài 124 km⁽⁴⁾. Sân bay Vinh đã được nâng cấp và mở rộng để máy bay Airbus 320 hạ cánh dễ dàng. Cục Hàng không dân dụng đang nghiên cứu cho mở thêm tuyến bay đi các nước trong khu vực. Bờ biển dài 92 km⁽⁵⁾, có cảng Cửa Lò là cảng biển quan trọng của miền Trung, được đầu tư nâng cấp lên 3,5 triệu tấn/năm⁽⁶⁾. Nhiều công trình thuỷ điện như thuỷ điện Bản Vẽ, Bản Cốc, Nhân Hoạch, Thác Muối đang được xây dựng. Nhìn chung, giao thông đường bộ, đường sắt và đường thuỷ, đường hàng không đều thuận lợi. Ở dải đất hẹp miền Trung, Nghệ An nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu sự tác động trực tiếp của gió mùa Tây Nam khô và nóng và gió mùa Đông Bắc lạnh, ẩm. Diện tích đất tự nhiên năm 2006 của tỉnh là 16.487,29

km², dân số 3.064.300 người⁽⁷⁾. Thành phố Vinh cách Hà Nội 291 km, là trung tâm kinh tế, văn hoá, chính trị của Bắc miền Trung. Thị xã Cửa Lò cách Thành phố Vinh 18 km với bãi biển dài gần 10 km, là nơi nghỉ mát lý tưởng đối với du khách. Trên địa bàn tỉnh có nhiều dân tộc sinh sống như: Kinh, Khơ mú, Ođú, Sán diu, H'mông, Thái...

Xiêng Khoảng có tổng diện tích⁽⁸⁾ 15.880 km² (năm 2004), nhiệt độ ban ngày là 28°C, ban đêm lại tụt xuống 13°C. Với diện tích đó sẽ tạo thế mạnh cho Xiêng Khoảng phát triển rừng, chăn nuôi đại gia súc, xây dựng mô hình kinh tế trang trại... Thị xã Phônxavăn là trung tâm của Xiêng Khoảng hiện nay đang trong thời kỳ đô thị hoá; cách thị xã 6 km về phía Tây là cảnh đồng Chum nằm trên cao nguyên Mường Phôn, có đồng cỏ bát ngát (người dân gọi là "Khăng Mã Len"-đồng có ngựa phi), xen những đồi thông xen và ruộng bậc thang tương đối bằng phẳng, suối nước nóng Mường Khăm (nóng khoảng 70°C) thu hút khách khu du lịch. Những đồng cỏ bao la ở Noọng Hét, Mường Mộc, Mường Khăm, Mường Pạc... là điều kiện để chăn nuôi gia súc lớn và kết quả đem lại sẽ là nguồn thịt xuất khẩu lớn của các huyện miền núi Xiêng Khoảng.

Xiêng Khoảng có tài nguyên khoáng sản phong phú, như: mỏ sắt, bạc, đồng, vàng, kẽm, mangan. ở đây có nghề luyện thép, trồng dâu nuôi tằm, làm giấy gió, nuôi cá nước ngọt, khai thác khoáng sản.

Ngoài ra Xiêng Khoảng có tiềm năng thủy điện...

Miền Tây Nghệ An, nhất là huyện Tương Dương, Kỳ Sơn có quan hệ với Xiêng Khoảng từ rất sớm, đặc biệt là người Thái và người H'mông. Năm 1959, khi cách mạng Lào gặp khó khăn, miền Tây Nghệ An là nơi Tiểu đoàn 2 cùng với một số vợ con của họ rút về đây để tiếp tục kháng chiến. Khi chiến dịch Cù Kiệt diễn ra, có khoảng 16.000 người Xiêng Khoảng tản cư về miền Tây Nghệ An.

Tháng 3-1969, đoàn đại biểu hai tỉnh Nghệ An-Xiêng Khoảng đã có cuộc gặp gỡ và trao đổi ký kết một số nội dung để phát triển kinh tế-xã hội. Nghệ An cung cấp cho Xiêng Khoảng nông cụ, muối, vải, gạo, giống cây, giống gia súc, gia cầm, cán bộ khoa học kỹ thuật... Xiêng Khoảng cung cấp cho Nghệ An gỗ, một số giống đào, lê ngọt...

Với 136 km đường biên giới chung, hai tỉnh Nghệ An-Xiêng Khoảng có nhiều tuyến giao thông quan trọng mở ra những cơ hội cho triển vọng hợp tác kinh tế, văn hoá, quốc phòng-an ninh. Hiện nay, dọc biên giới hai tỉnh có nhiều tuyến giao thông qua lại, trong đó tuyến đường 7 đi qua cửa khẩu Nậm Cắn là quan trọng nhất. Ngoài ra, Nghệ An-Xiêng Khoảng còn có hai con sông lớn: sông Nậm Nơn và Nậm Mộ cũng tạo điều kiện cho giao thông đường thủy phát triển. Ngày nay, khi quan hệ Việt-Lào ngày càng phát triển thì các tuyến đường giao thông có ý

nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Thông qua cửa khẩu Nậm Cắn, cửa khẩu Tha Đo, hàng hoá của hai tỉnh có thể ra vào một cách thuận tiện, đơn giản, chi phí vận chuyển thấp, hiệu quả kinh tế cao, có lợi cho cả hai bên. Ngoài ra, nhân dân hai bên biên giới có mối quan hệ thân tộc, dân tộc, sống đan xen nhau, thường xuyên quan hệ với nhau bằng tình cảm gia đình, anh em theo phong tục tập quán, theo trao đổi, mua bán và chữa bệnh, thăm người thân, giúp đỡ nhau trong kinh tế và cuộc sống hàng ngày.

Nghệ An và Xiêng Khoảng là hai tỉnh có điều kiện kinh tế thuận lợi để phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác. Trong giai đoạn hiện nay, hai nước Việt-Lào đã có cơ chế hợp tác cụ thể cho các địa phương kết nghĩa nhằm thắt chặt quan hệ mọi mặt. Nghệ An-Xiêng Khoảng là hai trong số nhiều tỉnh của hai nước có chung đường biên giới đã, đang và sẽ có những cơ chế hợp tác cụ thể, thiết thực nhằm phát huy thế mạnh, khắc phục yếu điểm để mối quan hệ hai tỉnh ngày càng được tăng cường, góp phần thúc đẩy mối quan hệ Việt-Lào đạt hiệu quả tốt nhất.

Sự gắn gũi về địa lí là yếu tố cần thiết để Nghệ An-Xiêng Khoảng mở rộng quan hệ hợp tác, nhưng nó không có ý nghĩa quyết định đến kết quả hợp tác. Vấn đề quan trọng hàng đầu ở đây là hai bên phải có cơ chế quản lí, đường lối, chính sách hợp tác cụ thể, để ra được chiến lược hợp

tác mang tính thiết thực và lâu dài, phát huy nội lực, kết hợp với sức mạnh bên ngoài để tạo cơ hội thuận lợi cho mối quan hệ hợp tác hai tỉnh ngày càng phát triển tốt đẹp.

3. Sự tương đồng về văn hoá

Do sự gắn gũi về địa lí nên trong quá trình hình thành và phát triển, Nghệ An và Xiêng Khoảng có sự tương đồng về văn hoá, lịch sử, đặc biệt là cư dân hai bên biên giới. Xét về nguồn gốc cư dân, Nghệ An là tỉnh có nhiều dân tộc sinh sống, chủ yếu thuộc các nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer, Việt-Thái, H'mông-Đao... Vùng rừng núi biên giới Nghệ An-Xiêng Khoảng là địa bàn quần tụ của nhiều tộc người như Mông, Thái, Khơ mú... Đến tháng 4-1990, người Thái chiếm 75% tổng số cư dân thiểu số ở Nghệ An, sống tập trung chủ yếu ở Con Cuông, Tương Dương, Kỳ Sơn... Lịch sử cư trú các tộc người cũng không đồng nhất, có những tộc người là cư dân cổ, nhưng có những tộc người đến cư trú ở đây muộn hơn...

Dân số năm 2004 của Xiêng Khoảng là 262.200 người, gồm 3 bộ tộc Lào Lùm, Lào Xúng, Lào Thông sống trong 7 Mường cùng chung lưng đấu cật xây dựng bản Mường ngày càng phát triển⁽⁹⁾.

Như vậy xét về nguồn gốc cư dân hai tỉnh Nghệ An-Xiêng Khoảng đã có những nét chung tương đồng, sống hoà thuận trong một ngôi nhà chung rộng lớn. Từ lâu nhân dân biên giới hai tỉnh đã coi nhau

như anh em cùng lớn lên từ việc làm nương rẫy, từ việc uống chung một dòng nước và được sự che chở của những rừng cây, vách núi... Mặc dù có sự đa dạng, phong phú về tộc người nhưng giữa họ không có sự kì thị, hiềm khích lẫn nhau, kể cả trong từng tỉnh nói riêng và cư dân hai tỉnh nói chung. Ngược lại họ còn sống với nhau rất đoàn kết, yêu thương đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng chia ngọt sẻ bùi, truyền đạt cho nhau những kinh nghiệm trong lao động sản xuất cũng như phối hợp trong chiến đấu chống ngoại xâm.

Hầu hết nhân dân các xã ở khu vực biên giới và các xã tiếp giáp có mối quan hệ thân tộc, dòng họ rất gắn gũi và gắn bó với nhau. Có nhiều hộ gia đình ở khu vực biên giới đã dựng vợ gả chồng cho con cái của họ ở hai bên Nghệ An-Xiêng Khoảng. Nhưng nhìn chung, đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân hai bên biên giới vẫn còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí còn thấp, kinh tế chủ yếu dựa vào nghề phát nương làm rẫy, khai thác lâm thổ sản... Đây là một trong những vấn đề đặt ra cho quá trình hợp tác kinh tế hai tỉnh hiện nay.

Sự gắn gũi về điều kiện tự nhiên dẫn đến nhiều điểm giống nhau trong đời sống văn hoá vật chất. Đồng bào hai bên biên giới Việt-Lào phạm vi Nghệ An-Xiêng Khoảng từ xưa đến nay đều là cư dân nông nghiệp, canh tác trồng trọt, chăn nuôi gia súc gia cầm, làm nương rẫy, trồng dâu nuôi tằm, khai thác rừng...

Những tương đồng về phương thức canh tác đó đã đưa nhân dân Nghệ An-Xiêng Khoảng xích lại gần nhau trong nếp nghĩ, cách tư duy và trong các phong tục tập quán cũng như trong cách ăn ở, sinh hoạt hàng ngày. Các dân tộc miền núi hai bên đều có nghề dệt vải, dệt thổ cẩm. Phụ nữ Thái ở Nghệ An và phụ nữ Lào Lùm ở Xiêng Khoảng là những người đảm nhiệm nghề dệt vải và lo may vá trong gia đình. Khi đến tuổi trưởng thành, các cô gái phải có nhiệm vụ dệt một lượng thổ cẩm lớn để chuẩn bị cho việc lấy chồng... Vì vậy phụ nữ Thái (Nghệ An) và phụ nữ Lào Lùm (Xiêng Khoảng) phải học nghề dệt vải từ khi lên 6-7 tuổi. Trong sinh hoạt hàng ngày, nhân dân hai tỉnh đều ở nhà sàn, ăn cơm gạo tẻ, gạo nếp, đàn ông đóng khố, phụ nữ mặc váy... Trên trang phục của phụ nữ có nhiều màu sắc hoa văn được trang trí hài hoà, độc đáo và sinh động thể hiện khiếu thẩm mỹ, mang đến nét đặc trưng của văn hoá tộc người và tình đoàn kết gắn bó trong cộng đồng các dân tộc hai nước Việt-Lào. Khi nhìn vào hoa văn trên váy của các tộc người có thể phân biệt được phụ nữ của dân tộc nào. Điều thú vị là các hoa văn trên váy của phụ nữ Lào Lùm và phụ nữ Thái có những mô típ cơ bản giống nhau: Hình trám lồng, trám đơn, hình chữ thập đơn, hình chữ thập kép, hình răng cưa hoặc hình thú...

Bên cạnh đời sống vật chất, quá trình giao lưu tiếp xúc diễn ra thường xuyên giữa nhân dân hai tỉnh đã tạo nên một bức tranh về đời sống văn hoá tinh thần

phong phú và đa dạng. Nhiều phong tục tập quán trong cưới xin, ma chay, thờ cúng thần linh, ông bà tổ tiên... được nhân dân hai tỉnh lưu truyền, kế thừa và phát huy. Mặc dù đời sống vật chất còn nhiều thiếu thốn, song trong sinh hoạt tinh thần, con người hết sức lạc quan. Họ sống chan hoà, vui vẻ trước những thử thách khắc nghiệt của môi trường tự nhiên và xã hội, thích được nhảy múa, ca hát trong các lễ hội, bởi vì chỉ có trong các lễ hội họ mới có cơ hội giao lưu tiếp xúc văn hoá, có cơ hội để thể hiện mình và học tập những tinh hoa của các tộc người khác. Do vậy, về mặt lễ hội và các điệu múa cũng có nhiều điểm giống nhau, thể hiện tình cảm của bản thân, của cộng đồng và nói lên ước nguyện của con người sau những ngày tháng lao động mệt nhọc.

Năm 1990, Nghệ An-Xiêng Khoảng đã thực hiện Hiệp định quy chế biên giới quốc gia, nhưng đôi khi đường biên giới chỉ có ý nghĩa tương đối. Do đặc thù của địa bàn cư trú, do mối quan hệ mật thiết giữa các nhóm dân cư sống dọc đường biên cũng như điều kiện lịch sử để lại và xuất phát từ nhu cầu giao tiếp giữa những cá nhân với cộng đồng vốn đã gần gũi về địa lí, phong tục tập quán, nên trên thực tế đường biên giới quốc gia không hề chia cắt tình cảm giữa các cộng đồng cư dân vốn có từ ngàn xưa.

Nhìn một cách tổng thể, nền văn hoá của Nghệ An-Xiêng Khoảng không những đã kết tinh được tinh hoa văn hoá của hai

dân tộc Việt-Lào mà còn tiếp thu được những cái mới, những nét đẹp của văn hoá nhân loại. Do đó nét văn hoá của hai tỉnh phong phú về loại hình, đa dạng về màu sắc và có tính độc lập trong tính thống nhất của bản sắc văn hoá Việt-Lào.

Văn hoá là nhịp cầu để nối các quốc gia, dân tộc xích lại gần nhau. Chính sức mạnh của yếu tố văn hoá truyền thống đã góp phần xây đắp nên tình cảm đặc biệt giữa nhân dân hai tỉnh Nghệ An-Xiêng Khoảng, mà trong suốt chiều dài lịch sử không một thế lực hay sức mạnh nào có thể chia cắt được.

Trong điều kiện hiện nay, sự gắn gũi về địa lí, tương đồng về văn hoá là điều kiện quan trọng và cần thiết để hai bên tăng thêm hiểu biết lẫn nhau, thúc đẩy quá trình hợp tác toàn diện. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, còn nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp trong đời sống thường nhật của cư dân hai bên biên giới: nạn di cư tự do, vượt biên trái phép, buôn lậu... xảy ra ở nơi này hay nơi khác, làm cho việc quản lí xã hội, an ninh chính trị gặp nhiều khó khăn. Điều đó đã đặt ra yêu cầu hợp tác chặt chẽ, kịp thời và có hiệu quả không chỉ giữa Nghệ An và Xiêng Khoảng, mà còn đòi hỏi sự hợp tác hai nước Việt-Lào.

4. Nhân tố quốc tế và trong nước

Từ giữa thập kỉ 80 trở đi của thế kỉ XX, tình hình quốc tế và khu vực có nhiều thay đổi sâu sắc, tác động đến mối quan

hệ giữa Nghệ An và Xiêng Khoảng trong giai đoạn 1991-2005. Chiến tranh lạnh kết thúc đã làm giảm mức độ căng thẳng trong quan hệ giữa các siêu cường thế giới. Sau hơn 4 thập kỉ đối đầu, cuối năm 1989, trong các cuộc gặp gỡ không chính thức giữa Tổng thống Liên Xô Gorbachốp và Tổng thống Mĩ Bush, hai bên đã ra tuyên bố chung chấm dứt cuộc chạy đua vũ trang, chuyển quan hệ hai nước sang đối thoại, hợp tác cùng phát triển.

Có thể nói, cuộc khủng hoảng năng lượng vào những năm đầu thập kỉ 70 của thế kỉ trước, sự phát triển khoa học-kỹ thuật đã tác động trực tiếp đến tình hình quan hệ quốc tế giai đoạn này. Trong khi đó CNTB đang đẩy mạnh cải tổ kinh tế và dành được nhiều thành tựu to lớn; Liên Xô chủ quan về tính ưu việt của CNXH, đến khi cải tổ thì phạm phải nhiều sai lầm, dẫn đến sụp đổ; Trung Quốc đang tiến hành cải cách và cũng đã dành được nhiều kết quả, từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, tạo ra những đột phá lớn, góp phần ghi tên vào danh sách các cường quốc trên thế giới.

Thành công trong công cuộc mở cửa, cải cách ở Trung Quốc, cùng với sự sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu, là những bài học thực tiễn và lý luận sâu sắc, có giá trị đối với hai nước Việt Nam, Lào trong quá trình định ra đường lối phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

Cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại đang diễn ra như vũ bão, những

thành tựu to lớn của nó đã làm thay đổi tương quan lực lượng giữa các nước. Nó thu hút các nước ở những mức độ khác nhau và có tác động mạnh mẽ đến bước phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đời sống xã hội. Thế giới đang trong quá trình quốc tế hoá sâu sắc. Xu thế đó tạo ra nhiều thời cơ phát triển cho các dân tộc, song cũng đặt ra nhiều thách thức, nhất là đối với các nước có xuất phát điểm rất thấp về kinh tế như Việt Nam và Lào.

Hai nước Việt Nam và Lào đã trải qua hơn một thập kỷ của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mặc dù đạt được những thành tựu đáng kể trên nhiều lĩnh vực, nhưng do nhận thức giáo điều, rập khuôn từ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu nên hai nước cũng không tránh khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội. Để khắc phục những vấn đề còn tồn đọng, nhằm đưa đất nước vượt qua khỏi khủng hoảng, đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế, văn hoá-xã hội, Đảng và Chính phủ hai nước Việt-Lào đã đề ra đường lối đổi mới, được thông qua tại Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam và Đại hội IV Đảng Nhân dân Cách mạng Lào... Một thời gian tiến hành đổi mới, hai bên Việt-Lào đã kí nhiều Hiệp định hợp tác song phương trên nhiều lĩnh vực, như: thương mại và du lịch (1991-1995); kiều dân (1993); quá cảnh hàng hoá (1994); hợp tác lao động (1995); bảo hộ đầu tư; tránh đánh thuế hai lần; vận tải đường bộ (1996); bổ sung và sửa đổi quy chế biên giới (1997); hợp tác kinh

tế-văn hoá-khoa học kỹ thuật (1992-1995); hợp tác nông lâm và phát triển nông thôn; năng lượng điện; chống ma tuý; tương trợ tư pháp (1998)...

Đường lối đổi mới, luật đầu tư nước ngoài và chính sách mở cửa đã tạo ra hành lang pháp lí, một môi trường thuận lợi cho quan hệ hai nước Việt Nam và Lào cũng như giữa hai tỉnh Nghệ An-Xiêng Khoảng. Công cuộc đổi mới của hai Đảng tiếp tục hoàn thiện ở các kì Đại hội tiếp theo. Nó là nhân tố thúc đẩy mối quan hệ Việt-Lào nói chung và Nghệ An-Xiêng Khoảng nói riêng, lên tầm cao mới. Từ quan hệ chủ yếu bằng hình thức viện trợ, ưu đãi của Việt Nam dành cho Lào đã chuyển sang quan hệ đối tác, trên cơ sở hợp tác bình đẳng cùng có lợi.

Sự biến đổi nhanh chóng của tình hình thế giới đặt ra yêu cầu phải duy trì hoà bình ổn định trong khu vực, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc đổi mới. Vì vậy, đẩy mạnh quan hệ với các nước thành viên ASEAN là mục tiêu quan trọng đối với Việt Nam và Lào.

Ngay từ giữa thập kỷ 80 của thế kỷ XX, nhận thức được tầm quan trọng của quan hệ đối ngoại trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế-xã hội, hai nước Việt Nam, Lào cùng với các nước ASEAN đã bắt đầu có sự nhìn nhận về nhau tích cực hơn. Tháng 2-1985, Hội nghị Ngoại trưởng của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á đã nhất trí cử Indônêxia làm đại diện đối thoại trực tiếp với Việt Nam, tìm cách giải

quyết “Vấn đề Campuchia”-mối bất đồng giữa hai nhóm nước ASEAN-Đông Dương.

Để tỏ rõ thiện chí hợp tác, tháng 9-1989, Việt Nam đã đơn phương rút hết quân đội của mình ra khỏi Campuchia. Đây là bước tiến mới của việc thực thi chính sách quan hệ tốt với các nước bạn bè láng giềng trong khu vực của Đảng và Chính phủ Việt Nam. Ngày 23-10-1991, Việt Nam đã cùng với các nước có liên quan kí kết Hiệp định Pari về Campuchia. Sự kiện này được các nước trong khu vực và trên thế giới đánh giá cao. Dưới con mắt của các nhà lãnh đạo ASEAN, Việt Nam và Lào không còn là “nguy cơ” thường xuyên với các nước trong khu vực, thay vào đó là sự hợp tác để cùng nhau xây dựng một khu vực Đông Nam Á hoà bình, hữu nghị, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Sau khi “Vấn đề Campuchia” được giải quyết, quá trình hội nhập khu vực và quốc tế đối với hai nước Việt Nam, Lào được diễn ra thuận lợi. Kết quả là Việt Nam và Lào chính thức được kết nạp vào ASEAN (năm 1995 và 1997).

Có thể nói, sự hợp tác chặt chẽ giữa hai nước Việt-Lào là nền tảng, cơ sở vững chắc để quan hệ hợp tác giữa các địa phương có cùng chung biên giới, trong đó có Nghệ An-Xiêng Khoảng, có điều kiện phát triển cao hơn, đem lại nhiều kết quả thiết thực.

5. Sự thay đổi cơ chế, chính sách của tỉnh Nghệ An trước bối cảnh lịch sử mới

Những nhân tố mới về tình hình quốc tế và trong nước đã tác động lớn đến sự phát triển nội tại của hai tỉnh Nghệ An và Xiêng Khoảng. Trong giai đoạn 1986-1991, do hai tỉnh đang trong quá trình chuyển đổi cơ chế từ quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường, nên quan hệ hợp tác chưa có sự phát triển mang tính chất bước ngoặt. Đến năm 1991, đặc biệt là sau Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đại hội V Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, quan hệ hai tỉnh mới có những chuyển biến vượt bậc, mang tính toàn diện. Mặt khác, “với yêu cầu của công cuộc đổi mới về quản lí kinh tế, xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng, kỳ họp thứ 9 của Quốc hội khoá VIII⁽¹⁰⁾ đã quyết định cho tỉnh Nghệ-Tĩnh chia thành hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh”⁽¹¹⁾. Đến ngày 19-8-1991, Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ-Tĩnh họp lần cuối cùng và bàn thống nhất các phương án cụ thể về chia tách tỉnh⁽¹²⁾. Theo đó phần lãnh thổ tỉnh Nghệ An có chung đường biên giới với ba tỉnh của nước bạn Lào dài 419 km - một trong hai tỉnh có biên giới dài nhất trong các tỉnh của Việt Nam (Nghệ An, Điện Biên), trong đó đường biên với Xiêng Khoảng là 136 km.

Sự thay đổi về địa giới hành chính tỉnh Nghệ An, cùng với những tác động trực tiếp của những năm đầu đổi mới, những ảnh hưởng từ tình hình thế giới và khu vực đã thúc đẩy quan hệ hai tỉnh có sự chuyển biến sâu sắc và toàn diện. Từ đây quan hệ Nghệ An-Xiêng Khoảng là mối

quan hệ giữa hai đơn vị hành chính độc lập, cùng chung biên giới kết nghĩa với nhau. So với giai đoạn 1975-1991, quan hệ Nghệ An-Xiêng Khoảng những năm 1991-2005 có bước phát triển cao hơn, đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới, mở cửa và hội nhập của hai nước. Trong quan hệ hợp tác kinh tế, văn hoá-xã hội, quốc phòng-an ninh, hai bên đặt trọng tâm là hợp tác kinh tế. Những năm qua, nhiều đồng chí Bí thư, Chủ tịch tỉnh, đoàn đại biểu Đảng bộ, chính quyền, ban ngành Nghệ An đã cùng với tỉnh Xiêng Khoảng qua lại thăm hữu nghị và kí kết các văn bản về hợp tác phát triển kinh tế, văn hoá-xã hội, quốc phòng-an ninh. Qua đó, hai bên khẳng định, việc mở rộng quan hệ toàn diện giữa hai tỉnh phải được xem vừa là nhiệm vụ quốc tế vừa là lợi ích kinh tế, chính trị của mỗi địa phương, hai bên phải hợp tác một cách tích cực, thiết thực, toàn diện và lâu dài.

Đối với nước bạn Lào, trong đó có tỉnh Xiêng Khoảng, việc đẩy mạnh kinh tế đối ngoại liên quan đến vấn đề giải quyết đường giao thông nối Lào với biển, tạo điều kiện hội nhập khu vực. Tuyến đường 7 thông qua cửa khẩu Nậm Cắn về cảng Cửa Lò, Cửa Hội, Bến Thủy, là một trong những con đường huyết mạch mà Xiêng Khoảng có thể tiếp cận với bên ngoài bằng đường thủy qua việc hợp tác với Nghệ An. Sau 15 năm thực hiện đổi mới, Nghệ An bước đầu đã xác lập được cơ chế kinh tế thông thoáng, thu hút đầu tư ngoại tỉnh, tạo điều kiện cho các công ty, xí nghiệp...

trong tỉnh phát triển và có nhiều cơ hội để mở rộng mạng lưới sản xuất kinh doanh sang nước bạn Lào, nhất là các tỉnh có chung đường biên giới với Nghệ An như Xiêng Khoảng, một phần Hòa Phấn, một phần Bôlikhămxay.

Lĩnh vực nông-lâm nghiệp được hai tỉnh xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình hợp tác kinh tế. Trên thực tế, Nghệ An đã đầu tư vốn và kỹ thuật, giống cây, vật nuôi, quy hoạch, khảo sát khu định cư cho Xiêng Khoảng. Xiêng Khoảng cũng chủ trương xuất khẩu gỗ cho các nước thứ ba thông qua Nghệ An, xuất khẩu nông sản, quy hoạch và phát triển trồng rừng.... Các hoạt động này được thực hiện qua các cửa khẩu và hệ thống cảng biển, cảng sông. Vì vậy, hai tỉnh đã nhất quán trong chính sách thành lập các cửa khẩu phụ: Ta Đà (Kỳ Sơn), Tà Xẻng (Noọng Hét), Thanh Thủy, Thông Thụ (Thanh Chương); ngay sau Chính phủ quyết định Vinh trở thành đô thị loại II (13-8-1993), việc thành lập Thị xã Cửa Lò (Nghị định 113/CP ngày 29-8-1994)⁽¹³⁾ trên cơ sở thị trấn cảng và du lịch đã đưa Vinh-Cửa Lò trở thành vùng kinh tế năng động trong chiến lược "hướng ra biển Đông" trong tương lai. Theo đó hai hải cảng lớn là Cửa Lò và Cửa Hội cũng được đầu tư mở rộng, nâng cấp, góp phần phản ánh mối quan hệ hợp tác hai tỉnh Nghệ An-Xiêng Khoảng.

Để đẩy mạnh hợp tác kinh tế, văn hoá, giáo dục, ngày 10-8-1994, hai tỉnh Nghệ

An-Xiêng Khoảng kí Hiệp định hợp tác kinh tế-xã hội. Chỉ hai tháng sau, ngày 10-10-1994, Nghệ An đã quyết định thành lập đoàn điều tra quy hoạch rừng của Sở Lâm nghiệp sang Xiêng Khoảng để tiến hành sự hợp tác⁽¹⁴⁾. Mặt khác, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, ban, ngành trực thuộc có liên quan của Nghệ An đã liên tục cử nhiều đoàn cấp bộ sang khảo sát tình hình, kí kết hợp đồng kinh tế với Xiêng Khoảng, xây dựng và quyết định thành lập các công ty để thúc đẩy sự hợp tác hơn nữa. Tính đến năm 2000, Nghệ An đã có một số công ty sau đây có quan hệ với tỉnh Xiêng Khoảng, như: Công ty Thương mại và Dịch vụ đầu tư, Công ty dầu nhựa-lâm đặc sản xuất khẩu, Công ty Lâm đặc sản, Công ty Xây dựng số 5, Công ty Xây dựng cầu, Công ty Xây lắp thuỷ lợi, Công ty Cá giống, Công ty Thi công cơ giới, Ban Quy hoạch nông nghiệp, Công ty Đầu tư hợp tác kinh tế Việt-Lào, Công ty Hợp tác kinh tế Censsco...

Bước sang năm 2001, trước xu thế toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ, xu thế khu vực hoá thương mại, hai nước Việt-Lào đang nỗ lực để chuẩn bị gia nhập AFTA, phía Chính phủ Lào đã ban hành Quyết định số 13 nhằm đơn giản hoá thủ tục xin cấp phép, quy định thời gian, chức năng, nhiệm vụ của từng bộ, ngành, địa phương có liên quan. Quyết định này là cơ sở pháp lí để đẩy mạnh thêm một bước đầu tư giữa Nghệ An và Xiêng Khoảng cũng như giữa hai nước.

Sau một thời gian, với nỗ lực của cả hai bên, cửa khẩu Nậm Cắn đã được hai Chính phủ Việt Nam-Lào cho phép nâng cấp thành cửa khẩu quốc tế vào năm 2001. Sự kiện này đánh dấu một bước tiến mới trong việc tạo điều kiện cho quan hệ giữa hai tỉnh, nhất là trong lĩnh vực kinh tế thương mại (tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Nậm Cắn từ 2002 đến 2005 là 23.350.130 USD).

Là tỉnh có đường biên giới thuộc diện dài nhất, bờ biển cũng dài tương đối và có hai cảng biển lớn, Nghệ An còn là một cửa ngõ quan trọng nối miền Bắc Lào, Bắc Thái Lan với biển Đông. Từ đặc điểm này cho thấy, trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và mở cửa, việc phát triển kinh tế biên mậu trở nên quan trọng đối với phát triển kinh tế hai tỉnh. Vì vậy, việc phát triển kinh tế biên mậu và khai thác lợi thế trục đường giao thông số 7 nối Nghệ An với Bắc Lào, Bắc Thái Lan sẽ được hai tỉnh tính đến.

Với công thức: Tài nguyên Lào, lao động và kỹ thuật Việt Nam, vốn hợp tác hoặc vay từ nước thứ ba, quan hệ giữa hai tỉnh Nghệ An-Xiêng Khoảng đã phát huy được thế mạnh và khả năng của địa phương, góp phần tích cực cho việc phát triển kinh tế-xã hội hai bên trong những năm gần đây. Chỉ tính riêng từ năm 2001 đến 2003, số vốn các doanh nghiệp cam kết đầu tư vào Nghệ An đạt 12,7 ngàn tỷ đồng. Trong đó, doanh nghiệp trong nước đầu tư vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh và hạ tầng

thông qua các Bộ, ngành Trung ương chiếm khoảng 9,3 ngàn tỷ đồng; đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là 1,05 ngàn tỷ đồng; và viện trợ phi chính phủ của nước ngoài cũng đã đóng góp một phần đáng kể. Nhờ hiệu quả từ các nguồn vốn đầu tư, mức tăng trưởng bình quân các năm liên tiếp vừa qua đạt trên 10%/năm⁽¹⁵⁾. Đây là những kết quả rất đáng mừng.

Cuối tháng 3-2004, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã phối hợp với Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ KH&ĐT) tổ chức hội nghị "Xúc tiến đầu tư vào Nghệ An" nhằm quảng bá môi trường đầu tư Nghệ An với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Bên cạnh những mặt thuận lợi, Nghệ An vẫn còn nhiều khó khăn, nên cần có một số chính sách ưu đãi đầu tư riêng, bù đắp cho nhà đầu tư nhằm giảm sút đầu tư, sao cho đầu tư vào Nghệ An vẫn có hiệu quả tương đương hoặc có thể cao hơn các nơi khác. Quan điểm này thể hiện rất rõ tại Quyết định 112/QĐ/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành ngày 29-12-2003.

Quyết tâm của Nghệ An trong việc điều chỉnh cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư trên địa bàn là: Tạo sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp đầu tư trong nước và nước ngoài cùng được hưởng một chính sách. Giảm những văn bản hành chính không cần thiết trong thủ tục cấp phép đầu tư, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng nhằm thu hút nội lực và ngoại lực. Riêng các khu công nghiệp ở Nghệ An, cơ chế, chính sách

có ưu đãi hơn để thu hút được nhiều dự án vào khu vực này nhằm khai thác hiệu quả hạ tầng được đầu tư, đồng thời tăng hiệu quả trong quản lý⁽¹⁶⁾.

Ngày 15-6-2005, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 147/QĐ-TTg, phê duyệt Đề án phát triển kinh tế-xã hội miền Tây tỉnh Nghệ An đến năm 2010, có tính đến năm 2015. Việc đầu tư, khai thác có hiệu quả, hợp lý giữa hai tỉnh đối với những tiềm năng ở các huyện có biên giới và gần biên giới với Xiêng Khoảng là: Tương Dương, Quế Phong, Kỳ Sơn, Con Cuông, Thanh Chương, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Nghĩa Đàn, Anh Sơn, Tân Kỳ thuộc khu vực miền Tây Nghệ An, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong thời kì hai tỉnh thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay.

Từ sau khi Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội miền Tây, tỉnh Nghệ An đã phối hợp với nhiều Bộ, Sở, ban ngành các cấp ban hành nhiều văn bản, bổ sung quy hoạch, điều chỉnh dự án nhằm tạo điều kiện thu hút đầu tư, tăng cường quan hệ với nhiều đối tác, trong đó có Xiêng Khoảng-Lào, để khai thác tiềm năng thủy điện, hợp tác phát triển các làng nghề truyền thống gắn với khai thác nguyên liệu sẵn có, bảo vệ môi trường sinh thái, đẩy mạnh du lịch, xây dựng hạ tầng cơ sở, sử dụng hiệu quả quỹ đất, ngăn ngừa và phòng chống tội phạm⁽¹⁷⁾ v.v... Hiện tại, hai tỉnh Nghệ An-Xiêng Khoảng tiếp tục đang có những nỗ

lực cố gắng đẩy mạnh quan hệ hợp tác, giải quyết tình trạng chậm phát triển, tham gia vào quá trình hội nhập khu vực và quốc tế trong bối cảnh lịch sử mới.

Như vậy, từ những nhân tố chủ yếu nói trên đã cho thấy cả Nghệ An và Xiêng Khoảng đều coi việc hợp tác với nhau là một yêu cầu tất yếu khách quan và cấp thiết nhằm phát huy thế mạnh của mỗi địa phương, để thực hiện công cuộc đổi mới. Quan hệ Nghệ An-Xiêng Khoảng là mối quan hệ mang tính truyền thống và có cơ sở vững chắc. Bên cạnh yếu tố gắn gũi nhau về địa lí, văn hoá, sự phát triển không ngừng của quan hệ hai nước Việt-Lào là nhân tố quan trọng nhất, đảm bảo vững chắc cho mối quan hệ hợp tác lâu dài giữa Nghệ An và Xiêng Khoảng. Trong bối cảnh lịch sử mới, tình hình quốc tế, khu vực và trong nước có nhiều thay đổi sẽ làm xuất hiện thêm nhân tố chi phối quan hệ hai tỉnh, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với tình hình kinh tế-xã hội Nghệ An và Xiêng Khoảng./.

CHÚ THÍCH

1. Vũ Công Quý, "Di tích khảo cổ tiền sử và sơ sử ở Lào", *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 1-2002, tr. 12.
- 2, 3. Hoàng Văn Thái, *Liên minh đoàn kết chiến đấu Việt Nam-Lào-Campuchia*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1983, tr. 17.
- 4, 6. Xem thêm: Chu Viết Luân (chủ biên), *Nghệ An thế và lực mới trong thế kỉ XXI*

- (*Nghệ An new Image in Century XXI*), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 31-33.
5. BCH Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Nghệ An, *Lịch sử Đảng bộ Nghệ An, Tập I (1930-1954)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 11.
 7. Theo số liệu trong *Niên giám thống kê 2006*, Cục Thống kê Nghệ An, 2007. Hiện nay diện tích đứng đầu cả nước, sau khi Đắk Lắk và Lao Châu đã chia tách; dân số đứng thứ tư, sau TP HCM, Thanh Hoá và Hà Nội (không tính Nghị quyết 15/NQ-QH của Quốc hội về mở rộng Hà Nội).
 - 8, 9. Số liệu theo thống kê của Ban Dân tộc và Miền núi tỉnh Nghệ An tháng 12-2004.
 10. Ngày 12-8-1991, Quốc hội khoá VIII nước CHXHCN Việt Nam quyết định chia tỉnh Nghệ-Tĩnh thành hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Khi tái lập tỉnh, vẫn giữ nguyên địa giới hành chính như trước khi nhập tỉnh (đầu năm 1975): 16.580 km², đứng thứ 3 trong cả nước, sau Đắk Lắk và Lai Châu.
 11. Nghị quyết số 26 của BCH Đảng bộ tỉnh Nghệ Tĩnh, Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh uỷ Nghệ An.
 12. BCH Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Nghệ An, *Lịch sử Đảng bộ Nghệ An, Tập III (1975-2005)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 139.
 13. Xem thêm: *Lịch sử Đảng bộ Nghệ An, Tập III (1975-2005)*, Sđd, tr. 170-171.
 14. Về các số liệu thành tựu hợp tác hai tỉnh trên các lĩnh vực cụ thể, trong phạm vi bài viết này chúng tôi xin phép chưa trình bày.
 15. Theo số liệu của Ban Kinh tế đối ngoại-UBND tỉnh Nghệ An.
 16. Xem thêm: Báo điện tử Kinh tế Việt Nam: Bao VEN.htm
 17. Xem thêm: Các tham luận "Những giải pháp thực hiện có hiệu quả Đề án: Phát triển kinh tế-xã hội miền tây Nghệ An" tại Hội thảo khoa học do Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An tổ chức, tháng 6-2008.